TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HC-PT
Ngày: 10/01/2025
V/v khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Hừng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 911/2024/TLPT-HC ngày 28/10/2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong việc giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3600/2024/QĐ-PT ngày 20/12/2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông **Phan Kỳ N**, sinh năm 1978; Địa chỉ: A N, khóm A, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ liên hệ: 121 N, khóm D, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Phan Kỳ N: Ông **Lương Văn N1**, sinh năm 1976; Địa chỉ: B, khóm C, phường F, Thành phố C, Cà Mau; Địa chỉ liên hệ: A L, khóm D, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người bị kiện:* **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Hòa B; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã V (Văn bản uỷ quyền ngày 02/12/2024, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Lê Hoàng V**, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã V; Địa chỉ: Đường C, khóm A, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Phan Thị Thùy T**, sinh năm 1974; Địa chỉ: B Đường C, khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà **Phan Thùy L**, sinh năm 1980; Địa chỉ: A N, khóm D, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà T và bà L: Ông **Lương Văn N1** (có căn cước nêu trên, theo văn bản uỷ quyền ngày 07/8/2023, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Kỳ N, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của người khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Gia đình ông N được UBND huyện V (nay là thị xã V) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11/04/2000 trong đó có thửa đất 563, tờ bản đồ số 05, có diện tích 2140m^2.

Thửa đất này vào năm 2008, UBND huyện V đã thu hồi với diện tích 707,5m^2 để mở Đường 30/04 nối dài gia đình ông không thắc mắc khiếu nại.

Đến năm 2009, UBND huyện V tiếp tục thu hồi phần diện tích đất còn lại có diện tích là 1434m^2 để xây dựng trụ sở cơ quan Kho bạc nhà nước, Chi cục thuế, Chi cục thống kê và sau đó ban hành quyết định bồi thường hỗ trợ và quyết định tái định cư gia đình ông không đồng ý và khiếu nại sau đó, UBND thị xã V đã ban hành các quyết định đề thu hồi lại quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường và hỗ trợ và quyết định tái định cư.

Đến ngày 27/06/2014, UBND thị xã V tiếp tục ban hành quyết định số 138/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1434,4m^2 để xây dựng trụ sở 3 cơ quan Chi cục thuế, Kho bạc nhà nước và Chi cục thống kê, sau đó UBND thị xã V ban hành quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 27/06/2014 về việc phê duyệt phương án chi tiết, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình trụ sở làm việc kho bạc nhà nước, C, chi cục thống kê và tiếp sau đó UBND thị xã V ban hành quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 30/06/2014 về việc phê duyệt dự toán chi tiết, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phan Văn Q.

Quyết định số 333 nói trên được giao cho gia đình ông vào ngày 29/06/2015 kèm danh sách chi tiết các khoản bồi hoàn và gia đình ông không đồng ý khởi kiện quyết định số 333/QĐ-UBND mà cơ quan có thẩm quyền đã giao cho gia đình ông sau đó vụ việc được Tòa án thụ lý để giải quyết và trải qua nhiều năm đến năm 2022 tại bản án hành chính phúc thẩm số 147/2022/HC-PT

ngày 03/03/2002 về việc khiếu kiện quyết định hành chính về phê duyệt dự toán bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và Tòa án đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là: Hủy quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 30/06/2014 của UBND thị xã V về việc phê duyệt dự toán chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phan Văn Q thường trú tại khóm C, phường A, thị xã V bị ảnh hưởng bởi công trình xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc nhà nước, Chi cục thuế, Chi cục thống kê thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Và bản án đã nhận định: Quyết định số 333/QĐ-UBND nêu trên ban hành ngày 30/06/2014, nhưng một năm sau mới giao cho ông Q là vi phạm việc giao nhận quyết định áp giá bồi thường, giải phóng mặt bằng, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hủy quyết định số 333/QĐ-UBND là có căn cứ, kháng cáo của người bị kiện là không có cơ sở chấp nhận.

Sau khi nhận được bản án số 147 nói trên do UBND thị xã không chịu thi hành bản án nên ông làm đơn yêu cầu thi hành án và được TAND tỉnh Sóc Trăng ra quyết định số 04/2002/QĐ-THA ngày 27/07/2022 quyết định thi hành án hành chính.

Sau đó, UBND thị xã V ban hành quyết định số 1643, ngày 21/07/2022 để hủy quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 30/06/2014 của UBND thị xã V (giao cho ông ngày 09/8/2022 tại UBND phường A).

Sau khi nhận quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 21/07/2022 của UBND thị xã V về việc hủy quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 30/06/2014 nhưng UBND thị xã V không ban hành quyết định thay thế Quyết định số 333 để áp giá bồi thường lại như nhận định của bản án phúc thẩm số 147 nói trên nên ông làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thị xã V để yêu cầu ban hành quyết định thay thế Quyết định số 333 nói trên đã bị hủy và phòng tiếp công dân của UBND thị xã V tiếp nhận đơn khiếu nại của ông.

Đến ngày 23/08/2022 ông nhận được Thông báo số 174/TB-UBND thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại với lý do: *Thực hiện bản án số 147/2002/HC- PT ngày 03/03/2022 của TAND cấp cao tại TP . về việc khiếu kiện quyết định hành chính về phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất*. Việc ra Thông báo số 174 nói trên của Chủ tịch UBND thị xã V để không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông về việc yêu cầu ban hành quyết định áp giá bồi thường thay thế Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 30/06/2014 của UBND thị xã V vì Bản án số 147 nói trên đã nhận định như ông trình bày trên nên Thông báo số 174 để căn cứ vào Bản án số 147 nói trên của TAND cấp cao không thụ lý đơn khiếu nại của ông là trái pháp luật ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Việc chủ tịch U ra Thông báo số 174 nói trên để cho rằng thực hiện theo bản án số 147/2022/HC-PT ngày 03/03/2022 của Tòa án cấp cao tại TP Hồ Chí Minh để không thụ lý khiếu nại của ông và chưa đúng với quy định của pháp luật bởi vì Quyết định số 330/QĐ UBND ngày 27/06/2014 của U về việc phê duyệt phương án chi tiết, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước, Chi cục thuế, và Chi cục kiểm kê

nhưng Quyết định số 330 giao cho gia đình ông vào ngày 03/07/2014 hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng chỉ giao cho gia đình ông Quyết định số 330 nói trên không có danh sách chi tiết kèm theo về giá đất bồi thường, nhà và vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ khác nên hiện nay Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 30/06/2014 đã bị hủy nên UBND thị xã V phải ban hành quyết định kèm theo chi tiết giá đất và các khoản hỗ trợ để bổ sung chi tiết của Quyết định số 330 nói trên.

Ông N khởi kiện yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã V phải có trách nhiệm và thực hiện đúng quy định của pháp luật và xem xét để thụ lý đơn khiếu nại của ông Phan Kỳ N và các tài liệu chứng cứ mà ông N gửi kèm để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã V có ý kiến trình bày:

Ngày 30/6/2014, UBND thị xã V ban hành Quyết định số 333/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phan Văn Q bị ảnh hưởng bởi công trình xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước, Chi cục C, Chi cục Thống kê thị xã V tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Q là 1.056.574.785 đồng. Xét, Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 và Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thị xã V cùng một nội dung, cùng đối tượng là hộ ông Q, đều thể hiện số tiền bồi thường hỗ trợ là 1.056.574.785 đồng đối với hộ ông Q. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 54/2012/QĐUBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh S thì UBND thị xã V chỉ triển khai Quyết định số 330/QĐ-UBND đến hộ ông Q là phù hợp. Quyết định số 333/QĐ-UBND của UBND thị xã V là không cần thiết phải ban hành, vì nội dung trùng với Quyết định số 330/QĐ-UBND, nên việc ban hành Quyết định 333/QĐ-UBND không ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ ông Q. Tại bản án số 147/2022/HC-PT ngày 03/03/2022 của Tòa án cấp cao tại TP Hồ Chí Minh đã quyết định hủy Quyết định số 333 nêu trên. Do đó, UBND thị xã V ban hành Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 21/07/2022 về việc hủy Quyết định số 333/QĐ-UBND nêu trên. Sau đó, ông N có đơn yêu cầu gửi đến UBND thị xã V về việc khiếu nại. Đến ngày 23/8/2022, Chủ tịch UBND thị xã V ban hành Thông báo số 174/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại với lý do: *Thực hiện bản án số 147/2002/HC- PT ngày 03/03/2022 của TAND cấp cao tại TP ..*

Đối với người khởi kiện cho rằng cần có quyết định phê duyệt chi tiết dự toán bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi hộ đất hộ ông Q thì thấy rằng để thực hiện dự án nêu trên thì đã có kiểm kê, phê duyệt chi tiết cụ thể từng hạn mục rồi, do đó ý kiến này của người khởi kiện là không có cơ sở.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông N về việc buộc Chủ tịch UBND thị xã V phải có trách nhiệm và thực hiện đúng quy định của pháp luật và xem xét để thụ lý đơn khiếu nại của ông N là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 16/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

B1 yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phan Kỳ N về việc yêu cầu: Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã V phải có trách nhiệm và thực hiện đúng quy định của pháp luật và xem xét để thụ lý đơn khiếu nại của ông Phan Kỳ N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2024, người khởi kiện ông Phan Kỳ N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Diễn biến tại phiên toà phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Kỳ N và ông Lương Văn N1 là người đại diện hợp pháp của ông Phan Kỳ N không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt tại phiên toà nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận các đương sự trình bày như sau:

1. Ông Lương Văn N1: Quyết định số 330 đã có hiệu lực pháp luật nên ông không thắc mắc khiếu nại. Ông yêu cầu người bị kiện cho biết giá chi tiết của Quyết định số 333, mỗi mét vuông đất có giá bao nhiêu, cây trồng, vật kiến trúc trên đất có những gì, giá cả ra sao. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kỳ N.

2. Ông Phan Kỳ N đồng ý với yêu cầu của ông Lương Văn N1 và không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm.

- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Phan Kỳ N làm trong hạn luật định, đúng hình thức, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

- Về nội dung kháng cáo: Quyết định số 330 và Quyết định số 333 có cùng một đối tượng là hộ ông Q, có cùng nội dung là bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Q tổng cộng 1.056.574.785 đồng. Do đó, sau khi ban hành quyết định huỷ bỏ Quyết định số 333 thì không cần thiết phải ban hành quyết định khác thay thế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Ky N2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Phan Kỳ N làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chủ tịch UBND thị xã V tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện và người đại diện hợp pháp của họ đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Để xây dựng công trình trụ sở làm việc của Kho bạc Nhà nước, Chi cục Thuế, Chi cục Thống kê thị xã V, UBND thị xã V đã thu hồi đất của hộ ông Phan Văn Q và đã ban hành các quyết định hành chính sau đây: Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 27/6/2014, có nội dung phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Q và Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 30/6/2014, có nội dung phê duyệt dự toán chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Q (sau đây viết tắt là Quyết định số 330 và Quyết định số 333). Ông N khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên và tại Bản án hành chính phúc thẩm số 147/2022/HC-PT ngày 03/3/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên hủy Quyết định số 333, giữ nguyên Quyết định số 330. Sau khi có bản án phúc thẩm, UBND thị xã V ban hành Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 huỷ bỏ Quyết định số 333. Ông N cho rằng việc UBND thị xã V không ban hành quyết định thay thế Quyết định số 333 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên khiếu nại. Tại Thông báo số 174/TB-UBND ngày 23/8/2022, thông báo không thụ lý đơn khiếu nại của ông. Thông báo này được tống đạt cho ông N cùng ngày ban hành. Nhận thấy, Thông báo số 174 chứa đựng các nội dung làm thay đổi, bổ sung, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của ông N nên đây là quyết định hành chính. Ông N khởi kiện yêu cầu buộc Chủ tịch UBND thị xã V thụ lý đơn khiếu nại của ông vào ngày 02/8/2023. Đây là việc khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu

khởi kiện, phù hợp với các quy định tại khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Bản án sơ thẩm chỉ xác định khiếu kiện hành vi hành chính là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[4] Xét kháng cáo của ông N, nhận thấy: Quyết định số 330 có nội dung *"Về việc phê duyệt Phương án **chi tiết** bồi thường, hỗ trợ và tái định cư..."* đối với hộ ông Q, với tổng số tiền là 1.056.574.785 đồng, Quyết định số 333 có nội dung *"Về việc phê duyệt **dự toán chi tiết** bồi thường, hỗ trợ..."* đối với hộ ông Q, với số tiền 1.056.574.785 đồng. Mặc dù hai quyết định nêu trên có tên gọi khác nhau, nhưng có cùng một đối tượng điều chỉnh là hộ ông Q, có cùng nội dung là bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Q khi thu hồi đất và có cùng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.056.574.785 đồng. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 147/2022/HC-PT đã tuyên huỷ Quyết định số 333. Việc UBND thị xã V ban hành Quyết định số 1643/QĐ-UBND huỷ bỏ Quyết định số 333 chỉ là việc thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật mà không cần thiết phải ban hành quyết định thay thế. Do đó, Thông báo số 174/TB-UBND ngày 23/8/2022, thông báo không thụ lý đơn khiếu nại của ông là có căn cứ, đúng pháp luật. Cần giữ nguyên thông báo này.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Phan Kỳ N và ông Lương Văn N1 không cung cấp được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm, do đó kháng cáo của ông Phan Kỳ N là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, như phần trên đã phân tích bản án sơ thẩm xác định thiếu quan hệ pháp luật nên cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[6] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Trả cho ông N 300.000 đồng.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Kỳ N. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 16/8/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kỳ N về việc yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã V phải có trách nhiệm và thực hiện đúng quy định của pháp luật và xem xét để thụ lý đơn khiếu nại của ông Phan Kỳ N.

[2] Xác định Thông báo số 174/TB-UBND ngày 23/8/2022, về việc thông báo không thụ lý đơn khiếu nại của ông Phan Kỳ N là đúng pháp luật.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Trả cho ông Phan Kỳ N 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 7307 ngày 06/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa